

Bản án số: 21/2023/ HNGĐ- ST
Ngày 15/5/2023
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sao Hôm

Bà Hứa Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2023/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị Thu Hà G, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện K, tỉnh H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh H.

Chị G, anh B đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh B kết hôn ngày 22/1/2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Anh chị có

được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh B. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Nhiều lần, anh B đánh chị gây tím bầm mặt mũi và chân tay, ngoài ra còn chửi bới, xúc phạm chị và gia đình chị. Vì thế, năm 2012, chị đã bỏ về nhà ngoại sinh sống. Sau đó được hai gia đình hòa giải, động viên, chị lại về sinh sống cùng anh B. Nhưng từ đó cho đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Vợ chồng thường xảy ra cãi cọ, mâu thuẫn từ việc nhỏ nhặt nhất trong sinh hoạt gia đình. Anh B là trụ cột kinh tế gia đình nên hay có thái độ khinh ghét chị và bố mẹ đẻ chị, có những lời nói trỉ trết làm ảnh hưởng đến tinh thần và cuộc sống vợ chồng. Sau một lần vào tháng 1 năm 2023, anh B đến quán Spa nơi chị đang làm chửi bới, xúc phạm chị, ngắt cầu dao điện và đuổi khách ra khỏi quán thì chị đã bỏ hẩn về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh B nữa nên kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh B.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 07/01/2008 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/11/2011. Nếu vợ chồng ly hôn, chị G có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, giao cháu K cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Hiện tại chị làm ở quán Spa, thu nhập hàng tháng là từ 10.000.000đồng, thời gian làm việc tự do nên có thể chăm sóc, nuôi dưỡng được cháu H.

Về tài sản chung, nợ: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải, anh B trình bày: Anh và chị G kết hôn ngày 22/01/2007 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh H. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà anh, sinh sống hòa thuận, hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cháu lớn của anh chị nghiện điện thoại, không chịu học hành. Anh chị không dạy dỗ, khuyên bảo gì được con. Chị G tìm cách chữa trị cho cháu bằng biện pháp tâm linh, cúng bái, bỏ bê gia đình chồng con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, to tiếng. Trong lúc nóng giận, anh cũng không kiềm chế được mà đánh chị G. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất vào tháng 1 năm 2023. Nguyên nhân là do chị G không quan tâm gì đến việc gia đình, họ hàng hai bên nên anh chị đã xảy ra xung đột, mâu thuẫn tại quán spa nơi chị G làm việc. Từ đó, chị G bỏ về nhà ngoại sinh sống. Việc mâu thuẫn của vợ chồng có được hai gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chỉ là nhỏ nhặt, anh không đồng ý ly hôn chị G.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 07/01/2008 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/11/2011. Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu và tự nguyện không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Hiện tại, anh đang làm sơn tại xã K,

huyện K, thu nhập hàng tháng là 10.000.000đồng, thời gian làm việc tự do nên có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung.

Qua xác minh với trưởng thôn Đ, xã K, bà V-mẹ đẻ anh B, bà Ú- mẹ đẻ chị G thể hiện: Quá trình anh chị chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không bảo ban được nhau về việc nuôi dạy con cái nên thường xuyên cãi cọ, chửi bới nhau. Anh B là người nóng tính hay chửi bới, xúc phạm và đánh chị G dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Sau khi anh chị xảy ra xô xát, cãi cọ nhau vào tháng 1 năm 2023 tại quán spa, chị G đã bỏ về ngoại sinh sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó. Nay bà Ú xác định hai gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng đến nay anh chị không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị G. Theo quan điểm của bà V đề nghị Tòa án hòa giải, động viên anh chị về đoàn tụ. Về con chung, nếu Tòa án giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì gia đình bà Ú và bà V đều hỗ trợ anh chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Tại phiên tòa:

Chị G và anh B đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, cho chị Đồng Thị Thu Hà G được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 07/01/2008 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/11/2011 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung với bên nào. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Đồng Thị Thu Hà G khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn B có địa chỉ cư trú tại xã K, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Giang là nguyên đơn, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh B là bị đơn, không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập

hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị G, anh B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị Thu Hà G và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Anh chị có thời gian dài hòa thuận, hạnh phúc thì đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh chị bất đồng quan điểm sống, sinh hoạt hằng ngày, thường xuyên xảy ra cãi cọ, đánh chửi nhau. Anh B nhiều lần đánh chị thâm mặt mũi, chân tay. Chị G cũng bỏ về nhà ngoại sinh sống và được sự động viên hai gia đình, anh chị lại quay về sinh sống với nhau. Nhưng từ năm 2012, mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà càng thêm trầm trọng. Đỉnh điểm vào tháng 1 năm 2023, anh chị lại xảy ra cãi cọ, xô xát, chửi bới nhau tại nơi làm việc của chị G. Anh B không đồng ý ly hôn chị G nhưng anh cũng không còn biện pháp nào để níu kéo tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, việc anh B không đồng ý ly hôn chị G vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chỉ nhỏ nhặt mặc dù anh thừa nhận trong cuộc sống anh có nóng nảy, có đánh chị G. Anh còn chửi bới, xúc phạm về tinh thần chị. Hội đồng xét xử xét thấy anh chị không còn yêu thương, chăm sóc nhau, anh B không thực hiện nghĩa vụ người chồng. Quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã ở vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là một giải pháp tích cực để giải phóng cho hai anh chị cũng như các thành viên khác trong gia đình khỏi cảnh bất bình thường, bảo đảm lợi ích của vợ chồng anh chị, của gia đình và của xã hội. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 07/01/2008 và Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/11/2011. Chị G có nguyện vọng nuôi cháu H, giao cháu K cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Nguyên vọng nuôi con của hai anh chị đều chính đáng, phù hợp với trách nhiệm người làm cha, làm mẹ. Tuy vậy, Hội đồng xét xử xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy:

Anh chị hiện đều có nghề nghiệp ổn định, có thu nhập, có nơi ở, có thời gian để chăm sóc con chung. Cháu H là con gái, hiện đã lớn cần có mẹ để bảo ban, dạy dỗ để phát triển tâm sinh lý bình thường, cháu K là con trai, cũng tự chăm sóc bản thân. Việc giao cháu H cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp nguyện vọng của các cháu. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Đến nay, chị G và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị G là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị Thu Hà G.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đồng Thị Thu Hà G ly hôn anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 07/01/2008 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 17/11/2011 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc có thỏa thuận khác. Chị G và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Chị G và anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Đồng Thị Thu Hà G phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị G đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0002942 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- UBND xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương